TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HỒNG BÀNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2024/HS-ST
Ngày 25- 12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Quỳnh Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Thu;

Ông Đinh Quốc Hoàng – Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh quận.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Quang Khiêm - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 131/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2024/QĐXX-HS ngày 15/10/2024 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 12/TB-TA ngày 18 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức H, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2005 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ, con; nhân thân, tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2023 đến ngày 29/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Gia H1, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2007 tại Hải Phòng (khi phạm tội bị cáo 16 tuổi 4 tháng 17 ngày). Nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp trước khi bị bắt: học sinh; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị T1; chưa có vợ, con; nhân thân, tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 31/01/2024, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H bắt tạm giam giữ từ ngày 20/7/2024 về hành vi

Gây rối trật tự công cộng theo quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; có mặt.

3. Phạm Hải H2, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2003 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn D xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hải H3 và bà Bùi Thị Q; chưa có vợ, con; nhân thân, tiền án, tiền sự: không. Bị cáo áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 31/01/2024, bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H bắt tạm giữ từ ngày 19/7/2024 về hành vi Gây rối trật tự công cộng theo quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; có mặt.

4. Đỗ Minh P, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2006 tại Hải Phòng (khi phạm tội bị cáo 17 tuổi 7 tháng 02 ngày). Nơi cư trú: Thôn C xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T2 và bà Vũ Thị T3; chưa có vợ, con; nhân thân, tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/5/2024 đến 17/5/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Phạm Xuân Q1, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2003 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn D xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D và bà Lê Thị D1; tại phiên tòa bị cáo khai có vợ là Lò Thị Hồng D2 và có 02 con; nhân thân, tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2023 đến ngày 29/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Bùi Hải C, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2005 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L1 và bà Hoàng Thị Ú; chưa có vợ, con; nhân thân, tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/5/2024; có mặt.

7. Cao Thái D3, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2006 tại Hải Phòng (khi phạm tội bị cáo 17 tuổi 3 tháng 06 ngày). Nơi cư trú: Thôn A xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn T4 và bà Trịnh Thị B; chưa có vợ, con; nhân thân, tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/5/2024; có mặt.

8. Nguyễn Ngọc Hải H4, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2006 tại Hải Phòng (khi phạm tội bị cáo 17 tuổi 02 tháng 12 ngày). Nơi cư trú: Thôn C xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H5 và bà Nguyễn Thị Thu H6; chưa có vợ, con; nhân thân, tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị

áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/7/2024, đến ngày 19/12/2024 bị áp dụng biện pháp tạm giam theo Quyết định bắt, tạm giam số 170 ngày 18/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; có mặt.

9. Nguyễn Đăng M, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2002 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Đỗ Thị Kiều A, có 02 con; nhân thân, tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/7/2024; có mặt.

10. Vũ Đình V, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2007 tại Hải Phòng (khi phạm tội bị cáo 16 tuổi 3 tháng 15 ngày). Nơi cư trú: Thôn B xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Quang H7 và bà Nguyễn Thị Thanh T5; chưa có vợ con; nhân thân, tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/7/2024; có mặt.

11. Vũ Tuấn D4, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2007 tại Hải Phòng (khi phạm tội bị cáo 16 tuổi 4 tháng 29 ngày). Nơi cư trú: Thôn F, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Minh T6 và bà Nguyễn Thị V1; chưa có vợ con; nhân thân, tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/7/2024; có mặt.

12. Đỗ Đức D5, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2006 tại Hải Phòng (khi phạm tội bị cáo 17 tuổi 01 tháng 23 ngày). Nơi cư trú: Thôn D, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Đức T7 và bà Nguyễn Thị D6; chưa có vợ con; nhân thân, tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/7/2024; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Gia H1, Đỗ Đức D5 và Nguyễn Ngọc Hải H4:* Ông Nguyễn Văn Tú N và ông Phạm Duy K - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H; ông K có mặt; ông N vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Vũ Đình V và Vũ Tuấn D4:* Bà Đoàn Thị H8 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo các Cao Thái D3 và Đỗ Minh P:* Ông Trần Minh N1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Gia H1:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1986 và bà Lê Thị T1, sinh năm 1987; cùng cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện T,

thành phố Hải Phòng - là bố mẹ đẻ của bị cáo; vắng mặt. (có bà nội của bị cáo là bà Hoàng Thị B1 có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Cao Thái D3:* Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1963 và ông Can Văn T8, sinh năm 1962; cùng cư trú tại: Thôn A, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng - là bố mẹ đẻ của bị cáo; bà B có mặt, ông T8 vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Minh P:* Bà Vũ Thị T3, sinh năm 1981 và ông Đỗ Văn T2, sinh năm 1976; cùng cư trú tại: Thôn C, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng - là bố mẹ đẻ của bị cáo; bà T3, ông T2 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Tuấn D4:* Ông Vũ Minh T6, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1975; cùng cư trú tại: Thôn F, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng - là bố mẹ đẻ của bị cáo; ông T6 có mặt, bà V1 vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Đình V:* Ông Vũ Quang H7, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Thanh T5, sinh năm 1980; cùng cư trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng - là bố mẹ đẻ của bị cáo; ông H7 vắng mặt, bà T5 có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Đức D5:* Ông Đỗ Đức T7, sinh năm 1986 và bà Nguyễn Thị D6, sinh năm 1989; cùng cư trú tại: Thôn D, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng - là bố mẹ đẻ của bị cáo; bà D6 có mặt, ông T7 vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Ngọc Hải H4:* Ông Nguyễn Văn H5, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị Thu H6, sinh năm 1987 (là bố mẹ đẻ của bị cáo); chị Nguyễn Thị T9, sinh năm 2003; nơi cư trú: Xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng (là chị ruột của bị cáo), ông Nguyễn Văn M1 và bà Đinh Thị P1, nơi cư trú: Thôn C, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng - là ông bà ngoại của bị cáo; đều vắng mặt.

- *Bị hại:*

+ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn H9, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Hoàng D7, sinh năm 2004; nơi cư trú: Số E Do N, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Trịnh Thị M2, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đức L2, sinh ngày 18/9/2008; địa chỉ: Số G T, P, A, K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Đức L2: Ông Nguyễn Đức L3, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1984 (là bố mẹ đẻ); địa chỉ: Số G T, P, A, K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

+ Anh Hoàng Văn Q2, sinh ngày 15/4/2008; địa chỉ: Thôn C xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Hoàng Văn Q2: Ông Hoàng Văn D8, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị M3, sinh năm 1974 (là bố mẹ đẻ); địa chỉ: Thôn C xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

+ Đại diện Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

+ Đại diện Trường Trung học Phổ thông L5, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

+ Đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

Người làm chứng: Nguyễn Đức L2, Hoàng Văn Q2, Nguyễn Tiến M4; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 13/12/2023, Nguyễn Đức H và Nguyễn Gia H1 rủ Hoàng Văn Q2 (sinh ngày 15/4/2008, nơi cư trú: thôn C, K, T, Hải Phòng), Nguyễn Đức L2 (sinh ngày 18/9/2008, nơi cư trú: sô G T, P, A, K, Hải Dương), Nguyễn Tiến M4 (sinh ngày15/8/2008, nơi cư trú: thôn B C Mỹ, T, Hải Phòng), Phạm Xuân Q1, Phạm Hải H2, Bùi Hải C, Đỗ Minh P, Nguyễn Ngọc Hải H4, Cao Thái D3, Đỗ Đức D5, Vũ Đình V, Vũ Tuấn D4, Nguyễn Đăng M sang khu vực trung tâm thành phố Hải Phòng để tìm người đánh nhau. Sau khi tập trung tại khu đô thị G, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, cả nhóm lấy hung khí đã được chuẩn bị sẵn và lên 05 xe mô tô đi sang trung tâm thành phố Hải Phòng, trong đó: Cao Thái D3 điều khiển xe mô tô Jupiter Gravita màu đỏ chở Phạm Hải H2 cầm phóng lợn và Nguyễn Đức H cầm

dao mèo; Bùi Hải C điều khiển xe A1 chở Đỗ Minh P cầm dao mèo và Phạm Xuân Q1 cầm hai vỏ chai thủy tinh; Nguyễn Đức L2 điều khiển xe mô tô Wave màu đen, cầm 01 chai thủy tinh chở Nguyễn Gia H1 cầm phóng lợn và Hoàng Văn Q2 cầm chai thủy tinh; Nguyễn Ngọc Hải H4 điều khiển xe Wave màu xanh tím chở Nguyễn Tiến M4 cầm hai vỏ chai thuỷ tinh và Nguyễn Đăng M cầm dao mèo; Vũ Tuấn D4 điều khiển xe mô tô chở Đỗ Đức D5 cầm 02 chai thuỷ tinh và Vũ Đình V không cầm theo hung khí. Sau đó cả nhóm đi vào khu vực Trung tâm thành phố nhưng không gặp nhóm nào nên đi theo đường Q về hướng phường Q, quận H về đến khu vực đường H, gần chợ Q4. Thấy nhóm anh Chu Đức L4, Lê Văn T10, Nguyễn Văn H9, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Văn Đ và nhóm Nguyễn Hoàng D7, Nguyễn Văn S1, T10, H10, H5, D3, Đ đang ngồi ăn đêm trong quán ăn Anh B2 thì L2, Tiến M4 ngồi trên xe ném chai thủy tinh về phía quán ăn đêm. Các bị can điều khiển xe mô tô đi qua quán ăn đêm về hướng cầu K được khoảng 100m thì có người hô quay lại nên cả nhóm vòng xe quay lại, H cầm dao mèo, H2 cầm phóng lợn, Đăng M cầm dao mèo, Minh P cầm dao mèo, L2 lấy phóng lợn từ tay Gia H1, Gia H1 nhặt gạch đá, Q1 cầm 02 chai thuỷ tinh, Hải H4 cầm 02 chai thuỷ tinh, D5 cầm 01 chai thuỷ tinh và đưa cho D7 01 chai, ném về phía những người trong quán ăn đêm và đuổi đánh những người này. Khi không đuổi được đánh được thì nhóm bị can đứng ở quán ăn Đ1, thách thức.Thấy có 03 xe mô tô đang dựng tại vỉa hè, L2 cầm phóng lợn đập phá 01 xe mô tô Honda SH biển kiểm soát: 15C1-463.23 của chị Trương Thị M5, 01 xe mô tô Honda SH biển kiểm soát: 15C1 -513.55 của anh Nguyễn Văn H9 làm hư hỏng 02 xe trên; Nguyễn Gia H1 cầm đá đập, Hoàng Văn Q2 đạp đổ xe, sau đó Đỗ Minh P dùng dao, Phạm Hải H2 dùng phóng lợn đập phá làm hư hỏng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, biển kiểm soát:15N1-268.75 của anh Nguyễn Hoàng D7. Sau đó, các đối tượng điều khiển xe bỏ đi về hướng cầu K, Thủy N3 và vứt hung khí xuống sông C, rồi về nhà.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra ghi nhận và thu giữ: hiện trường đã bị xáo trộn, không còn nguyên vẹn, thu giữ một số mảnh thủy tinh, gương xe mô tô bị vỡ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 76/KL-HĐĐGTS ngày 19/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận H kết luận giá trị thiệt hại: xe mô tô Honda SH, biển kiểm soát: 15C1- 463.23 là 3.190.000 đồng. Xe mô tô Honda SH, biển kiểm soát: 15C1-513.55 là 3.515.000 đồng. Xe mô tô Honda Airblade, biển kiểm soát: 15N1 - 268.75 là 2.265.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 2371/KL-KTHS ngày 08/8/2024 của Phòng K1 Công an thành phố H kết luận: các tập tin được lưu trong 01 USB trưng cầu giám định không có dấu hiệu bị cắt ghép, chỉnh sửa. Trích xuất 06 (sáu) hình ảnh lập thành bản ảnh.

Ngày 13/12/2023, Ủy ban nhân dân phường Q, Hồ N đã có Công văn yêu cầu Công an quận H xử lý nghiêm các đối tượng trên về hành vi gây mất an ninh trật tự tại khu vực vỉa hè quán ăn đêm đường H, tổ dân phố số G, Quán T, Hồ N, Hải Phòng.

Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Văn H9 đề nghị được bồi thường số tiền là 3.000.000 đồng; Anh Nguyễn Hoàng D7 đề nghị được bồi thường số tiền 5.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Đ đề nghị được bồi thường số tiền 4.000.000 đồng;

Bà Vũ Thị T3 là mẹ bị cáo Đỗ Minh P tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Thanh T5 là mẹ bị cáo Vũ Đình V tự nguyện nộp số tiền 1.000.000 đồng. Trước ngày xét xử: Bố bị cáo D7 tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo Q1 tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo D5 tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 triệu đồng, anh Hoàng Xuân Q3 nộp 3.000.000 đồng. Tổng số tiền đã nộp là: 12.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho các bị hại.

Về vật chứng: các mảnh thủy tinh, mảnh gương xe mô tô bị vỡ thu giữ khi khám nghiệm hiện trường và số tiền 3.000.000 đồng gia đình bị cáo P, V tự nguyện giao nộp, chuyển Cơ quan Thi hành án dân sự quận H.

Đối với các hung khí sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các đối tượng đã vứt đi trên đường về, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Tại Cáo trạng số 106/CT-VKSHB, ngày 12/9/2024, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Đăng M, Nguyễn Ngọc Hải H4, Vũ Tuấn D4, Đỗ Đức D5, Cao Thái D3, Bùi Hải C, Vũ Đình V, Phạm Xuân Q1 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Gia H1, Đỗ Minh P, Phạm Hải H2 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức H.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55; Điều 90; Điều 91; Điều 101, Điều 103 của Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Nguyễn Gia H1.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với Phạm Hải H2.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Hải C.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Cao Thái D3.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Hải H4.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đăng M.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 103 của Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Đỗ Minh P.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Xuân Q1.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với Nguyễn Đình V2.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với Vũ Tuấn D4.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với Đỗ Đức D5.

Đề nghị xử phạt:

- Nguyễn Đức H từ 33 tháng tù đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Nguyễn Gia H1 từ 27 tháng tù đến 30 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Tổng hợp

hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 39 tháng tù đến 45 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/7/2024 (Trong vụ án khác).

- Phạm Hải H2 từ 33 tháng tù đến 36 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 48 tháng tù đến 54 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/7/2024 (Trong vụ án khác).

- Bùi Hải C từ 30 tháng tù đến 33 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 10/5/2024.

- Nguyễn Đăng M từ 30 tháng tù đến 33 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Phạm Xuân Q1 từ 30 tháng tù đến 33 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đỗ Minh P từ 21 tháng tù đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời gian thử thách là từ 42 đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Thời gian thử thách là 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là từ 27 tháng tù đến 33 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là từ 54 tháng đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đỗ Đức D5 từ 21 tháng tù đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 42 tháng đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Cao Thái D3 từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Nguyễn Ngọc Hải H4 từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2024.

- Vũ Đình V từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng đến 42 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Vũ Tuấn D4 từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng đến 42 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo được hưởng án treo cho UBND xã nơi các cư trú giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về dân sự: Các bị hại là anh Nguyễn Văn H9 đề nghị được bồi thường số tiền là 3.000.000 đồng; Anh Nguyễn Hoàng D7 đề nghị được bồi thường số tiền 5.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Đ đề nghị được bồi thường số tiền 4.000.000 đồng.

Đại diện hợp pháp của các bị cáo V, P, Q1, D5, D7 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Hoàng Văn Q2 đã tự nguyện nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng tổng số tiền 12.000.000 đồng để bồi thường cho các bị hại. Cụ thể: Bà Vũ Thị T3 (mẹ bị cáo Đỗ Minh P) tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Thanh T5 (mẹ bị cáo Vũ Đình V) tự nguyện nộp số tiền 1.000.000 đồng, bố bị cáo D7 tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo Q1 đã tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo D5 tự nguyện nộp số tiền: 2.000.000 triệu đồng, anh Q2 nộp 3.000.000 đồng. Tổng số tiền đã nộp là: 12.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và tuyên trả cho các bị hại. Cụ thể: Trả cho bị hại Nguyễn Văn Đ số tiền 4.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn H9 số tiền 3.000.000 đồng và anh Nguyễn Hoàng D7 số tiền 5.000.000 đồng.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng đã thu giữ.

Về nghĩa vụ chịu án phí: buộc các bị cáo (trừ bị cáo Đỗ Minh P), mỗi người phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Vũ Tuấn D4, Vũ Đình V, Nguyễn Gia H1 do người đại diện hợp pháp của các bị cáo có nghĩa vụ nộp thay. Bị cáo Đỗ Minh P được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo:

+ Ông Phạm Duy K – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Gia H1, Đỗ Đức D5, Nguyễn Ngọc Hải H4: Nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng truy tố đối với các bị cáo, tuy nhiên mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì: Các bị cáo phạm tội đều dưới 18 tuổi, suy nghĩ non nớt, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên thiếu sự quan tâm, giám sát. Các bị cáo đồng phạm giản đơn không có sự câu kết chặt chẽ. Bị cáo D5, H4 không phải là người khởi xướng, không gây thiệt hại về thương tích và tài sản cho ai. Đề nghị xem xét vai trò của bị cáo D5, H4 là thứ yếu.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu nên đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo D5, H1 gia đình có công với cách mạng nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Đối với tội Cố ý làm hư hỏng tài sản của bị cáo H1 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Về mức hình phạt đề nghị xem xét xử phạt bị cáo H1, H4 mức thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị; bị cáo D5 được hưởng án treo như Viện kiểm sát đề nghị nhưng mức án cũng thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị.

Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tuyên trả cho các bị hại số tiền như đã yêu cầu.

+ Ông Trần Minh N1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H bào chữa cho bị cáo Đỗ Minh P và Cao Thái D3:

- Đối với bị cáo P: Đồng ý với đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đã đề nghị. Bản thân bị cáo là người khuyết tật nặng, không gây thiệt hại lớn đối với tội Cố ý làm hư hỏng tài sản và nay bị cáo là lao động chính có thể đi làm trong gia đình vì mẹ bị cáo bị bệnh loét da mãn tính, phải điều trị lâu dài, anh trai bị cáo bị chất độc màu da cam nên đề nghị Hội đồng xét xử có thể áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng mức thấp hơn mức Viện kiểm sát nhân dân quận H đã đề nghị. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo D3: Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đề nghị áp dụng đối với bị cáo là nghiêm khắc vì khi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi, không phải là người khởi xướng, chỉ chở bị cáo H và Hải H2 nên vai trò không đáng kể. Bị cáo phạm tội lần đầu, ngoài ra bị cáo có ông bà ngoại được tặng Gia đình vẻ vang nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự.

+ Bà Đoàn Thị H8 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H bào chữa cho bị cáo Vũ Đình V và Vũ Tuấn D4: Đồng ý với đại điện Viện kiểm sát nhân dân quận H về việc các bị cáo đồng phạm giản đơn và đề nghị các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo khung liền kề thấp nhất và thấp hơn mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đã đề nghị đối với các bị cáo.

+ Đại diện hợp pháp của các bị cáo dưới 18 tuổi: Bị cáo H1, V, D5, D3, D4: Nhất trí với quan điểm của các người bào chữa cho các bị cáo, không có quan điểm tranh luận lại với đại diện Viện kiểm sát.

Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo sẽ được Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có quan điểm tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát, phần lời nói sau cùng các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo hiện tại ngoại xin được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, người đại diện hợp pháp của bị cáo chưa thành niên, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chưa thành niên vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét những người trên đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

- *Về tội danh:*

[3] Đối với tội "Gây rối trật tự công cộng": Khoảng 01 giờ ngày 13/12/2023 các bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Gia H1, Phạm Hải H2, Nguyễn Đăng M, Đỗ Minh P, Nguyễn Ngọc Hải H4, Vũ Tuấn D4, Đỗ Đức D5, Cao Thái D3, Bùi Hải C, Vũ Đình V, Phạm Xuân Q1 có hành vi sử dụng hung khí gồm phóng lợn, dao mèo và nhiều chai thủy tinh, điều khiển xe mô tô tốc độ cao trên nhiều tuyến đường trong nội thành Hải Phòng. Khi đến quán ăn đêm "Anh B2" tại khu vực đối diện số A đường H, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng, các bị cáo đã sử dụng các hung khí trên ném và đuổi đánh những người khách trong quán ăn gây náo loạn, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Hành vi trên của các bị cáo đã phạm tội "Gây rối trật tự công cộng", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

[4] Đối với tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản": Ngoài việc gây mất trật tự địa phương, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội thì các bị cáo Nguyễn Gia H1, Đỗ Minh P, Phạm Hải H2 còn có hành vi dùng đá, dao và phóng lợn đập phá làm hư hỏng 03 xe mô tô của anh Nguyễn Văn H9, anh Nguyễn Hoàng D7 và anh Nguyễn Văn Đ, trị giá thiệt hại theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 8.970.000 đồng. Hành vi trên của các bị cáo Nguyễn Gia H1, Đỗ Minh P, Phạm Hải H2 đã phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

[5] Tính chất vụ án là nghiêm trọng đối với tội "Gây rối trật tự công cộng" và ít nghiêm trọng đối với tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản", hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự xã hội tại địa phương và xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ nên phải xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

- Về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[6] *Về vai trò:*

[6.1] Đối với tội "Gây rối trật tự công cộng":

Trong vụ án này, hành vi của các bị cáo thể hiện tính đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể. Bị cáo Nguyễn Đức H và Nguyễn Gia H1 là người rủ các bị cáo khác sang trung tâm thành phố để đánh nhau, cả nhóm lấy hung khí đã chuẩn bị sẵn và lên xe mô tô. Bị cáo D3 chở bị cáo H2 cầm phóng lợn và bị cáo H cầm dao mèo; bị cáo C chở bị cáo P cầm dao mèo và Q1 cầm 02 vỏ chai; bị cáo H1 cầm phóng lợn, bị cáo H4 chở Nguyễn Đăng M cầm dao mèo; bị cáo D7 chở bị cáo D5 cầm 02 chai thủy tinh và chở bị cáo V không cầm hung khí. Sau đó, khi qua quán ăn Anh B2 thì bị cáo H, M, P cầm dao mèo, H2 cầm phóng lợn; H1 nhặt gạch, Q1, H4, D5, D7 cầm chai thủy tinh ném về phía những người trong quán ăn đêm và đuổi đánh những người này, khi không đuổi đánh được thì các bị cáo đứng ở quán Đ1, thách thức.

Như vậy, đánh giá vai trò của bị cáo Nguyễn Đức H và Nguyễn Gia H1 về cơ bản là ngang nhau và cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo M, H2, P, H4, D5, D7, Q1 vai trò ngang nhau và thấp hơn bị cáo H, H1. Các bị cáo C, D3 mặc dù không trực tiếp ném hung khí vào phía những người trong quán nhưng khi đi thì D3 và C chở các bị cáo khác và cùng với các bị cáo khác chửi bới, thách thức. Như vậy, vai trò của các bị cáo D3, C cũng tham gia tích cực ngang nhau với các bị cáo trên. Bị cáo Vũ Đình V mặc dù khi đi không mang theo hung khí, nhưng có tham gia chửi bới, thách thức cùng với các bị cáo khác nên vai trò của bị cáo V có phần thấp hơn các bị cáo khác nhưng cũng tham gia tích cực.

[6.2] Đối với tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản": Các bị cáo Nguyễn Gia H1, Đỗ Minh P và Phạm Hải H2 đều có hành vi dùng hung khí để đập phá, làm hư hỏng 03 chiếc xe. Do đó, các bị cáo có vai trò ngang nhau.

[7] *Về nhân thân:* Các bị cáo Nguyễn Gia H1 và Phạm Hải H2 sau khi thực hiện hành vi phạm tội, trong thời gian tại ngoại lại có hành vi gây rối trật tự công cộng, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H bắt tạm giam, chuẩn bị xét xử. Như vậy nhân thân của bị cáo H1 và H2 không tốt, ý thức chấp hành pháp luật kém. Các bị cáo khác nhân thân chưa có tiền án, tiền sự.

[8] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[9] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:* Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đã tác động gia đình và tự nguyện nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả cho các bị hại như: bị cáo P, V, D7, D5, Q1 nên các bị cáo trên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo P được hưởng chế độ đối với người khuyết tật nặng, sau khi phạm tội ra đầu thú, bị cáo có ông ngoại tham gia kháng chiến được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì nên bị cáo P được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H1 có nông nội tham gia kháng chiến được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, bị cáo V có ông ngoại tham gia kháng chiến được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba; bị cáo Q1 và D7 có ông nội tham gia kháng chiến được tặng Huân chương kháng chiến hạng 3; bị cáo D5 có ông nội là thương binh loại ¾; bị cáo C có ông ngoại được tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng 3, ông bà nội bị cáo tham gia kháng chiến nên các bị cáo V, H1, D7, D5, C, Q1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo D3 cung cấp tài liệu thể hiện bác ruột bị cáo là Liệt sỹ, ông bà ngoại của bị cáo được tặng Bảng gia đình vẻ vang vì có con trai tòng quân chống mỹ cứu nước. Tuy nhiên, đây không phải là các tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để được xem xét cho bị cáo nên không chấp nhận, đồng nghĩa với việc không chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho bị cáo về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này.

[10] Về hình phạt:

[10.1] Xét bị cáo Nguyễn Đức H và bị cáo Nguyễn Gia H1 có vai trò cao nhất; bị cáo Nguyễn Đăng M, Phạm Hải H2, Bùi Hải C, Cao Thái D3, Nguyễn Ngọc Hải H4 thực hiện hành vi phạm tội với vai trò tích cực, bị cáo H2, H1 như đã phân tích tại phần nhân thân thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém, các bị cáo H, M, H2, D3, H4 chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Hải H4 đã được Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã có bản cam đoan về việc chấp hành theo quy định của pháp luật nhưng bị cáo vắng mặt tại phiên tòa nhiều lần không có lý do, Tòa án đã ra lệnh áp giải đối với bị cáo và Quyết định bắt, tạm giam bị cáo. Ngày 19/12/2024 Công an quận H đã tiến hành bắt giam bị cáo. Như vậy, thể hiện bị cáo H4 có ý thức chấp hành pháp luật kém. Do đó, cần cách ly các bị cáo trên một thời gian để đảm bảo tính răn đe cũng như giáo dục các bị cáo.

[10.2] Đối với các bị cáo Vũ Tuấn D4, Đỗ Đức D5, Vũ Đình V, Phạm Xuân Q1, Đỗ Minh P có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điều 51 Bộ luật

Hình sự. Bị cáo D4 và V còn đang đi học, có đơn đề nghị của nhà trường cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội. Bị cáo Đỗ Minh P mặc dù phạm hai tội nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội dưới 18 tuổi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đã phân tích tại phần trên, bản thân bị cáo bị khuyết tật nặng, sinh hoạt vận động khó khăn và được trợ cấp hàng tháng, anh trai của bị cáo cũng bị khuyết tật nặng (bị bệnh Down, không lao động được), mẹ bị cáo bị bệnh loét da mãn tính, phải điều trị lâu dài, hiện tại bị cáo đang làm công nhân với mức lương ổn định để cùng gia đình chăm lo cho mẹ và anh trai. Đối với bị cáo Phạm Xuân Q1 hiện nay vợ mới sinh đôi được một thời gian ngắn (hơn 01 tháng), khi sinh chưa đủ tháng nên phải nằm lồng ấp cả hai con, bị cáo là lao động chính trong gia đình để chăm lo cho vợ, con. Các bị cáo trên đều được gia đình có đơn xin bảo lãnh, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo đang được cơ quan pháp luật cho tại ngoại, trong thời gian tại ngoại các bị cáo không phạm tội nào khác. Do đó, từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Vũ Tuấn D4, Đỗ Đức D5, Vũ Đình V, Đỗ Minh P, Phạm Xuân Q1 được cải tạo ngoài xã hội như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng cũng đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[10.3] Các bị cáo Phạm Hải H2, Nguyễn Gia H1 và Đỗ Minh P phạm 02 tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, bị cáo H1 và P áp dụng thêm Điều 103 Bộ luật Hình sự, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội.

[10.4] Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích tại mục [9]. Không chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho bị cáo H1, H4, D5 về việc áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "phạm tội lần đầu" theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không chấp nhận áp dụng tình tiết phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H1 trong tội Cố ý làm hư hỏng tài sản. Ngoài ra, không chấp nhận áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo V, D4; cũng như không chấp nhận xử phạt các bị cáo mức thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo H1, H4, D5, Phú như đã phân tích tại mục [6] và [9] trên.

- *Về trách nhiệm dân sự*:

[11] Các bị hại là anh Nguyễn Văn H9 đề nghị được bồi thường số tiền là 3.000.000 đồng; anh Nguyễn Hoàng D7 đề nghị được bồi thường số tiền 5.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Đ đề nghị được bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là: 12.000.000 đồng. Số tiền trên đã được các bị cáo và gia đình các bị cáo P, V, D7, D5, Q1 và anh Hoàng Văn Q2 tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng để bồi thường cho các bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến

vụ án. Hội đồng xét xử tuyên trả cho anh Nguyễn Văn H9 số tiền: 3.000.000 đồng; anh Nguyễn Hoàng D7 số tiền 5.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Đ số tiền 4.000.000 đồng.

[12] Về xử lý vật chứng: Cơ quan công an thu giữ một số mảnh thủy tinh, mảnh gương xe mô tô đã bị vỡ. Xét giá trị sử dụng không còn nên tịch thu tiêu hủy.

[13] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Đối với các bị cáo tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm chưa đủ 18 tuổi thì đại diện hợp pháp của các bị cáo nộp thay cho các bị cáo. Đối với các bị cáo đến thời điểm xét xử đã đủ 18 tuổi như bị cáo: Cao Thái D3, Nguyễn Ngọc Hải H4, Đỗ Đức D5 thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đỗ Minh P là người khuyết tật nặng, có đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật như đề nghị của Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo.

[14] *Về quyền kháng cáo đối với bản án*: Các bị cáo, đại diện hợp pháp của các bị cáo dưới 18 tuổi; người bào chữa cho các bị cáo dưới 18 tuổi, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án dưới 18 tuổi được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức H.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55; Điều 90; Điều 91; Điều 101, Điều 103 của Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Nguyễn Gia H1.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với Phạm Hải H2.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Hải C.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Cao Thái D3.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị

quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Hải H4.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đăng M.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 103 của Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Đỗ Minh P.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Xuân Q1.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với Đỗ Đức D5.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với Nguyễn Đình V2.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với Vũ Tuấn D4.

Tuyên bố:

- Các bị cáo Nguyễn Đức H, Phạm Xuân Q1, Bùi Hải C, Cao Thái D3, Nguyễn Ngọc Hải H4, Nguyễn Đăng M, Vũ Đình V, Vũ Tuấn D4, Đỗ Đức D5 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

- Các bị cáo Nguyễn Gia H1, Phạm Hải H2, Đỗ Minh P phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" và tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

Xử phạt:

- Nguyễn Đức H 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Trừ cho bị cáo những ngày bị tạm giữ từ ngày 20.12.2023 đến ngày 29.12.2023.

- Nguyễn Gia H1 27 (Hai mươi bẩy) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", 12 (Mười hai) tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Tổng hợp hình phạt

buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 39 (Ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/7/2024. (Trong vụ án khác).

- Phạm Hải Hồng 3 (Ba mươi ba) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 48 (Bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/7/2024 (Trong vụ án khác).

- Bùi Hải C: 27 (Hai mươi bẩy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 10/5/2024.

- Nguyễn Đăng M: 27 (Hai mươi bẩy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Phạm Xuân Q1: 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đỗ Minh P: 21 (Hai mươi mốt) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời gian thử thách là 42 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đỗ Đức D5: 21 (Hai mươi mốt) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 42 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Cao Thái D3: 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Nguyễn Ngọc Hải H4: 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 19/12/2024.

- Vũ Đình V: 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Vũ Tuấn D4: 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Đỗ Minh P cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Giao bị cáo Đỗ Đức D5 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Vũ Đình V và Vũ Tuấn D4 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Giao bị cáo Phạm Xuân Q1 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp các bị cáo trên thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Uỷ ban nhân dân cấp xã; trường hợp không đồng ý thì Uỷ ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với các bị cáo Đỗ Minh P, Vũ Đình V, Vũ Tuấn D4, Đỗ Đức D5, Phạm Xuân Q1.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc các bị cáo V, P, D5, Q1, D4 và anh Hoàng Xuân Q3 đã nộp tổng số tiền 12.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng để bồi thường cho các bị hại là anh Nguyễn Văn H9 số tiền 3.000.000 đồng; anh Nguyễn Hoàng D7 5.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn Đ (đại

diện là bà Trương Thị M5) số tiền 4.000.000 đồng. Các bị hại có quyền nhận lại số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng.

(Số tiền được thể hiện tại các biên lai thu tiền số 0002702 ngày 12/9/2024; số 0010020 ngày 28/11/2024; số 0010018 ngày 25/11/2024; số 0010021 ngày 28/11/2024; số 0010019 ngày 28/11/2024)

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên: Tịch thu tiêu hủy: một số mảnh thủy tinh, mảnh gương xe mô tô đã bị vỡ.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận giữa Công an quận H và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ngày 12/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng).

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc các bị cáo (trừ bị cáo Đỗ Minh P), mỗi người phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Vũ Tuấn D4, Vũ Đình V, Nguyễn Gia H1 do người đại diện hợp pháp của các bị cáo có nghĩa vụ nộp thay.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bị cáo Đỗ Minh P được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo dưới 18 tuổi, người bào chữa cho các bị cáo dưới 18 tuổi (có mặt) được quyền kháng cáo bản án thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo dưới 18 tuổi, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án dưới 18 tuổi (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận**:*
- TAND TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV 06 Công an TP Hải Phòng;
- CA quận Hồng Bàng;
- Cơ quan THAHS Công an quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quỳnh Như